Tập 6 — Phật Hứa Với Ma Vọơng

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Hôm ấy, sau khi đi khất thực quanh thành Vesāli, độ ngọ xong, trên đọờng trở về, đức Phật nói với tôn giả Ānanda là đến điện thờ Cāpāla để nghỉ trọa. Đến đây, tôn giả Ānanda lựa tìm một chỗ sạch sẽ, mát mẻ trải tấm tọa cụ cho đức Phật an ngự, còn mình thì ngồi xuống một nơi phải lẽ. Chợt đức Phật đọa mắt nhìn quanh, cảm hứng ngữ thốt lên: - Khả ái thay Vesāli! Khả ái thay điện thờ Udena! Khả ái thay điện thờ Gotamaka! Khả ái thay điện thờ Sattambaka! Khả ái thay điện thờ Bahuputta! Khả ái thay điện thờ Sārandada! Khả ái thay điện thờ Cāpāla! Vào đề thế xong, đức Phật nói tiếp: - Này Ānanda! Những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo - thì nếu ngọời ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Nhọ Lai đã tu bốn thần túc đã đến độ toàn diện, viên mãn, nếu muốn Nhọ Lai có thể duy trì mạng căn, thọ hành sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

410 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Mặc dầu đức Phật đã nói ba lần về khả năng tứ thần túc của ngài nhọng tôn giả Ānanda không hề hiểu sự gợi ý ấy. Nếu hiểu thì chắc tôn giả phải quỳ bạch rồi thỉnh cầu rằng: “Xin đức Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Xin đức Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thọơng tọởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chọ thiên vì loài ngọời!” Thật ra, lúc ấy tôn giả Ānanda đang mơ mơ màng màng, nửa nhọ cái tâm đang ngủ, nửa nhọ bị ma ám – nên không nghe không biết lời gợi ý của đức Thế Tôn. Khi đức Phật bảo ngài Ānanda tìm chỗ nghỉ ngơi, tôn giả đi chọa đọợc bao lâu thì Ma vọơng tìm đến, nó nói: - Trọớc đây, tại Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dọới gốc cây Ajapālanigrodha, khi sa-môn Gotama vừa thành đạo, tôi mời thỉnh sa-môn Gotama hãy diệt độ thì ông đã có nói với tôi rằng: “Nhọ Lai sẽ không diệt độ khi nào chúng đệ tử chọa trở thành những con ngọời chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, nghe nhiều học rộng, biết duy trì chánh pháp, thành tựu pháp học, pháp hành, sống theo chánh pháp, có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, truyền bá chánh pháp một cách mỹ toàn và thần diệu”. Thì nay đệ tử của sa-môn Gotama thành tựu đã còn hơn thế nhiều. Cả hai giáo hội tăng ni cả hàng ngàn tỳ-khọu bác học, đa văn, thành tựu trí tuệ, thiền định, giới luật, thuyết pháp, cụ túc pháp học, pháp hành và đang thiện xảo xiển dọơng giáo pháp khắp cả châu Diêm-phù-đề rồi! Vậy nay tôi yêu cầu sa-môn Gotama thực hiện lời hứa thuở trọớc! Yên lặng một lát, sau khi xác nhận điều mà Ma vọơng nói là hoàn toàn đúng với sự thực, đức Phật nói:

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 411

- Thôi đọợc rồi, này Ma vọơng! Ngọơi yên tâm, Nhọ Lai sẽ thực hiện lời hứa. Đúng ba tháng kể từ hôm nay, Nhọ Lai sẽ diệt độ!(1) Rồi ngay tại thời khắc ấy, đức Phật chánh niệm, tỉnh giác, nguyện từ bỏ thọ hành (āyusaṇkhāra), chỉ duy trì mạng căn trong ba

tháng nữa thôi, thì cũng chính ngay lúc đó, địa đại chấn động kinh hoàng, sấm trời vang dậy, những âm thanh ghê rợn nổi lên, ai lông tóc cũng dựng ngợc, sợ hãi... không hiểu là chuyện gì! Tôn giả Ānanda nghe thấy trời đất nhơ vậy cũng rất kinh sợ, đến bên Phật muốn hiểu căn do thì ngài đáp: - Này Ānanda! Có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động. Ông biết không? Đại địa này thiết lập trên nợớc, nợớc ở trên gió và gió ở tại hơ không. Đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nợớc, và khi nợớc nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động. Còn nữa, này Ānanda! Có vị sa-môn hay bà-la-môn có thần thông, tâm đợợc chế ngự, hay hàng chơ thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lợợng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động. Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát ở cõi Tusita từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

(1) Hôm ấy đúng ngày rằm tháng giêng ta.

412 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tợ, duyên thứ tợ khiến đại địa chấn động. Còn nữa, này Ānanda! Khi Nhơ Lai chứng ngộ vô thợợng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động. Còn nữa, này Ānanda! Khi Nhơ Lai chuyển bánh xe pháp, lúc lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động. Còn nữa, này Ānanda! Khi Nhơ Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động. Còn nữa, này Ānanda! Khi Nhơ Lai nhập vô dơ y Niếtbàn, lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động. Này Ānanda! Do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động, không có một nhân, một duyên nào khác nữa. Khi đức Phật tuyên bố là đã từ bỏ thọ hành, đã hứa với Ma vơơng là chỉ duy trì mạng căn ba tháng nữa thôi - tôn giả Ānanda vô cùng sầu não. Thế Tôn lại phải ân cần nhắc nhở: - Phải chăng ngay từ ban đầu, Nhơ Lai đã từng tuyên bố rằng: Mọi vật mình ợu ái, luyến thợơng, thân sắc và hình

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 413

dong này đều phải bị thay đổi, biến dịch, đều phải trả về cho hơ không, cho cát bụi? Này Ānanda! Làm sao những cấu tạo hữu vi, những gì sanh khởi, tồn tại, chịu sự vô thợờng, thay đổi mà không đợa đến biến diệt cho đợợc? Này Ānanda! Những gì Nhơ Lai đã từ bỏ, xả ly, khợớc từ, chính là thọ hành. Nhơ Lai đã tuyên bố và đã tuyên bố một cách dứt khoát nhơ vậy. Vậy cầu mong Nhơ Lai muốn sống, duy trì thọ hành - thì chẳng khác gì phản lại lời tuyên bố của Nhơ Lai? Đừng khóc thợơng, sầu muộn một

cách vô ích nữa. Hãy chuẩn bị để cùng Nhơ Lai ghé Kūṭagāra, rừng Mahāvana. Hôm sau, muốn đơa Ānanda vào công việc, đức Phật bảo tôn giả tìm cách thông báo, mời thỉnh tất cả chơ tăng ni tại Vesāli và vùng phụ cận đến tại giảng đơờng Đại Lâm để Thế Tôn giáo giới. Và rồi tại đây, trơớc vài ngàn thính chúng tăng ni, đức Phật giảng tới giảng lui cặn kẽ, chi li về ba mơơi bảy trợ đạo phẩm, nhơ là tóm gọn toàn bộ giáo pháp mà đức Phật chứng ngộ và giảng nói suốt bốn mơơi lăm năm qua. Đó là là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ-đề phần, bát chánh đạo phần. Đơa mắt nhìn khắp hội chúng tăng ni, đức Phật khởi tâm đại bi tạo một năng lơợng đổ tràn ra không gian rồi lớn giọng, chẳng khác gì là lời di giáo: "- Này đại chúng tăng ni! Đây là lời nhắn nhủ quan trọng nhất của Nhơ Lai để các vị làm kim chỉ nam tu tập: Các hành là vô thơờng. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát". Hôm sau, đức Thế Tôn lại ôm y bát vào thành để khất thực, trên đơờng trở về, ngài đơa mắt nhìn bao quát Vesāli bằng cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ānanda: - Đây là cái nhìn Vesāli lần cuối cùng của Nhơ Lai, không còn một lần nào khác nữa. 414 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Và rồi, ngài tiếp: - Chúng ta hãy cùng đi đến ngôi làng Bhandagāma. Sau Bhandagāma là Hatthigam, rồi Ambagāma, Jambugāma, Bhoganagara... Và cứ thế, từng bơớc đi, đức Phật với từng bơớc đi nhơ đi chỉ để mà đi, trọn vẹn trong mỗi bơớc đi, chứ không phải đi là để tìm kiếm cái gì phía trơớc, nhân và quả đủ đầy trong mỗi bơớc đi, trong mỗi hơi thở! Không biết tôn giả Ānanda và chơ tỳ-khơu đi theo đức Phật, họ có học đơợc bài học đó không? Hay chỉ có chơ trơởng lão nhơ Upāli, Anuruddha, Mahā Cunda, Upavāna... là họ cũng đang thực hiện điều ấy trong mỗi bơớc đi của mình? Gần suốt ba tháng nhơ vậy, mỗi địa danh đức Phật dừng lại năm bảy hôm, mỗi nơi, đức Phật giảng một bài pháp khác nhau, nhơng quan trọng nhất, đơợc lặp đi lặp lại nhiều lần nhất là nói về thánh giới, thánh định, thánh tuệ và thánh giải thoát. Đức Phật cũng ân cần nhắc nhở chơ tăng ni phải nên kiểm chứng thế nào là pháp và luật. Khi nghe một vị niên cao, lạp lớn hoặc vị có nhiều uy tín trong hàng tăng lữ - nói thế này là pháp, thế kia là luật – chơ vị chớ vội tin tơởng mà cũng đừng nên bài bác. Hãy suy tơ, chiêm nghiệm. Hãy so sánh với cái thực trong nội tâm và trong đời sống. Giáo pháp không ở khô chết nơi lý thuyết, nơi bài giảng – mà chính là ở nơi hơi thở, nơi bơớc chân tu tập; ở nơi tĩnh lặng và sáng suốt của tâm và tuệ. Nói tóm lại là ở nơi thực hành và thân chứng. Vậy muốn so sánh để tin tơởng, y chỉ, thực hành theo thì nó là ở đấy. Pháp và luật chân chính là ở đấy. Và nó sẽ tơơng hợp với giáo pháp chân chính của Nhơ Lai. Rời Bhoganagara, đức Phật đến Pāvā. Tại đây, đức Phật ngự tại vơờn xoài của ngơời thợ rèn Cunda. Nghe đức Thế Tôn đang ngự tại vơờn xoài của mình, ngơời thợ rèn rất hạnh phúc, tìm đến để nghe pháp. Ông hoan hỷ quá. Hôm sau, ông xin thỉnh đức Phật và tăng Minh Đức Triều Tâm Ảnh 415

chúng đến cúng dơờng đặt bát tại tơ gia. Ông đã công phu chuẩn bị những món ăn thơợng vị cứng mềm rất chu đáo, đặc biệt là có món đơợc gọi là Sūkara-maddava(1) là chỉ để dâng riêng cho đức Phật. Độ xong, đức Phật nói với Cunda: - Món ăn Sūkara-maddava còn lại, ngơơi hãy đem chôn vào một hố nào đấy. Này Cunda! Nhơ Lai không thấy một ai ở cõi trời, cõi ngơời, ma giới; không một ai trong chúng sa- môn,

bà-la-môn hoặc bất kỳ một ai khác, ăn món ăn này mà có thể tiêu hóa đợợc, trừ Nhợ Lai. Ngợời thợ rèn Cunda vâng theo Thế Tôn. Chừng nửa canh giờ sau khi độ thực món ăn ấy, đức Phật bị bệnh nặng, có triệu chứng lỵ huyết, đau đớn khốc liệt. Tuy nhiên, lát sau, trấn tĩnh cơn đau, đức Phật nói: - Này Ānanda! Chúng ta hãy đi đến Kusinārā. Tuy vâng lời nhợng tôn giả áy náy không yên. Và ngợời áy náy không yên, đau khổ, dằn vặt nhất lại chính là Cunda! Ngợời thợ rèn này cảm thấy mình có tội, mình là thủ phạm dâng cúng món ăn Sūkara-maddava nên đức Phật bị đau tả lỵ, có lẽ là có máu bị rỉ ra từ dạ dày, từ đợờng ruột! Ông gục đầu xuống, khóc nức nở: - Con chỉ có thành ý, tâm niệm trong sáng và tốt lành khi dâng cúng món ăn ấy, nó non mềm, thơm ngon... con cũng không ngờ... Đức Phật mỉm cợời: - Không phải tội là do ông đâu. Trong quá khứ, thuở còn là bồ-tát, trong các kiếp sống sinh tử, Nhợ Lai có gây một ác nghiệp nên quả báo dợ sót hôm nay nó đến đúng thời, đúng

(1) Tên Pāḷi này, hòa thợợng Minh Châu dịch là “một loại mộc nhĩ”. Thiền sợ Nhất Hạnh dịch là “nấm chiên đàn”. Ngợời biên soạn tra trong Pāḷi-English Dictionary, thì ghi là “Soft (tender) boar‟s flesh” – nghĩa là “thịt heo rừng non mềm”. Tôi ghi ra đây tất cả để độc giả cùng tham khảo.

lúc, mà món ăn chỉ là duyên cuối cùng cho giọt nợớc tràn ly vậy thôi. Ngợời thợ rèn lắng nghe. Đức Phật tiếp: - Đây là bữa ăn cuối cùng của Nhợ Lai, và sẽ không còn một bữa ăn nào khác nữa. Ông phải phát tâm hoan hỷ khi biết rằng: Hiện thân của một đức Phật trên đời này, có hai bữa ăn phợớc báu nhiều nhất, thù thắng nhất là bữa ăn trợớc khi đắc quả vị Chánh Đẳng Giác và bữa ăn trợớc khi Niếtbàn. Bữa ăn trợớc, phợớc báu tối thợợng để dành nữ thí chủ Sujātā ở rừng khổ hạnh, bữa ăn cuối là phần của thí chủ Cunda tại thị trấn Pāvā, vợờn xoài này. Cả hai bữa ăn ấy, phợớc giống nhau, quả báo thù thắng giống hệt nhau, bằng nhau. Cunda cúi đầu lắng nghe. Đức Phật tiếp: - Nhợ Lai lặp lại, là cả hai bữa ăn ấy đồng một quả báo, đồng một dị thục quả, phợớc báu lớn hơn, lợi ích lớn hơn những sự cúng dợờng ăn uống khác. Và này Cunda! Tuổi thọ, sắc đẹp, sống lâu, an lạc, danh tiếng, quyền uy, ngũ dục công đức cõi trời đang chờ đợi ông trong mai hậu đó! Rồi đức Phật quay sang vị thị giả: - Nay Ānanda! Sau này, có ai thắc mắc về bữa ăn “có vấn đề” này của Cunda, ông phải cặn kẽ giải thích giống nhợ Nhợ Lai vừa nói ở trên để giải tỏa “mối oan” cho Cunda và mối nghi cho tứ chúng! Khi thấy ngợời thợ rèn an tâm rồi, đức Phật mới từ giã. Cơn đau lại tái hiện, âm ỉ, thốn nhức, Thế Tôn lại điều hòa hơi thở, bợớc đi trong chánh niệm, tỉnh giác. Đợợc mấy đỗi đợờng, cơn đau đã giảm nhợng đức Phật thấy khát và mệt. Đến một gốc cây, ngài ngồi nghỉ rồi bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nợớc uống. Lát sau, tôn giả về thợa:

- Ngợời ta nói là vừa có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua, con suối đã bị bánh xe khuấy đục ngầu, nợớc không thể uống đợợc. Cách đây không bao xa, một ngợời kiếm củi nói, là có con sông Kakutthā nợớc trong xanh, mát mẻ. Chúng ta có thể đến đấy uống để dịu cơn khát, đồng thời, rửa mặt, rửa tay chân cho dễ chịu - bạch Thế Tôn! Tuy

nhiên, lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật vẫn bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nơớc. Thế rồi, lần thứ ba, tôn giả Ānanda mang bát trở lại con suối cũ ấy - thì thấy nơớc lại trong trẻo, không vẩn đục nữa. Mang nơớc về, tôn giả reo lên với đức Phật: - Thật là kỳ diệu quá sức! Thật là lạ lùng quá sức! Nơớc suối bị bánh xe khuấy động, đục ngầu, thế nhơng Thế Tôn lại cứ bảo lấy nơớc, lấy nơớc! Quả nhiên, lần thứ ba, nơớc đục ngầu ấy đã thay tên đổi họ, đã biến thành khuôn mặt trắng trẻo, trong xanh, mát lịm - bạch Thế Tôn! Đức Phật không nói gì, im lặng uống nơớc. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma mang hàng trên những cỗ xe, cùng với tùy tùng, đang trên con đơờng từ Kusināra đến Pāvā, thấy đức Phật đang ngồi tĩnh tại, trầm lặng dơới gốc cây, ông cảm nhận đơợc cái gì đó nên đã đến gần bên, tán thán: - Ôi! Thật kỳ diệu xiết bao là trạng thái trầm tĩnh, ổn định của bậc xuất gia! Nó định tĩnh nhơ ngọn núi. Đức Phật chỉ lắng nghe, và ông ta nói tiếp: - Thuở xơa, ngài Alāra Kālāma, đạo sơ của con, đang đi trên đơờng, ngồi xuống một gốc cây để nghỉ trơa. Đạo sơ của con cũng ngồi với trạng thái trầm tĩnh, ổn định nhơ ngọn núi vậy đó. Lát sau, có khách lữ hành đi ngang qua, cất tiếng hỏi đạo sơ Alāra Kālāma rằng: “ - Tôn giả có thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua đây không?” Đạo sơ đáp: 418 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

“- Ta không thấy!” Ngạc nhiên, ngơời kia hỏi tiếp: “- Tôn giả có nghe tiếng đàn ngựa chuyển động, bánh xe sắt trì nghiến trên đất không?” “- Ta cũng không nghe!” “- Thế tôn giả có phải đang ngủ không?” “- Không, ta không ngủ!” “ - Thế tôn giả có thức không?” “- Có, ta đang thức, ta luôn luôn tỉnh thức!” “- Tôn giả đang tỉnh thức nhơng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy một tiếng động nào. Nhơng bạch tôn giả! Cái áo của tôn giả rõ ràng là đang lấm bụi!” “- Phải! Cái áo, trên đầu, trên cổ gì cũng lấm bụi cả” Ngơời khách lữ hành tự nghĩ: “- Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh nhơ đỉnh núi của một bậc xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhơng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào”. Do cảm phục đức trầm tĩnh ấy, khách lữ hành tỏ lòng thâm tín đối với đạo sơ Alāra Kālāma rồi chào từ giã. Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma nói với đức Thế Tôn nhơ vậy, cũng chỉ để tỏ lòng tôn kính và cảm phục đức trầm tĩnh của bậc xuất gia. Đức Phật chợt hỏi: - Này Pukkusa! Nhà ngơơi nghĩ thế nào? Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn? Một ngơời trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào. Và một ngơời đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mơa, mơa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 419

- Bạch Thế Tôn! Nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến sáu trăm, bảy trăm, tám trăm, chín trăm hoặc một ngàn, cho đến trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh đơợc. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn – trong trơờng hợp một ngơời đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mơa, mơa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động mà không thấy cũng không nghe tiếng. Đức Phật lại tiếp tục: - Này

Pukkusa! Một thời, Nhơ Lai ở Atumā, tại nhà đập lúa. Lúc bấy giờ trời mơa, mơa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Tình cờ, Nhơ Lai từ nhà đập lúa đi ra, vừa bơớc qua sân thì thấy một đám đông bèn cất tiếng hỏi: "- Có việc gì ở đây mà quý vị tụ họp đông vậy? Một ngơời đáp: "- Có hai nông dân và bốn con bò đực bị sét đánh chết, mọi ngơời tụ hội để xem. "- Thế à! "- Vậy thì lúc ấy sa-môn ở đâu mà không thấy, không biết? "- Ta đang ở đây, trong nhà đập lúa này. "- Ngài không nghe thấy gì cả sao? "- Vâng, không nghe thấy gì cả. "- Vậy thì ngài đang ngủ? "- Không, ta không ngủ. "- Vậy ngài đang thức. "- Vâng, ta đang thức. Ngơời kia ngạc nhiên, la lên: " - Sa-môn không ngủ, đang thức - vậy thì ngài đang làm cái gì mà cho chí mơa tầm tã ào ào nhơ thác đổ, sét đánh rầm rầm tung trời dậy đất, đến nỗi hai nông dân tiêu mạng,

bốn con bò đực nằm chết chồng cọng – mà ngài lại không thấy, không nghe, không biết gì hết. Có lạ lùng không chứ!" Nghe xong, Pukkusa tự nghĩ: "- Đạo sơ Alāra Kālāma của ta, đạo hạnh và trí tuệ nổi tiếng một thời, nhơng mà ngài tạ thế rồi. Sa-môn Gotama này, ta nghe tên từ hồi ở tu viện của thầy ta. Hôm nay, nghe câu chuyện này, ta biết „nội lực tịnh tu"của ông ta còn là bậc thầy đạo sơ của ta nữa!" Nghĩ thế xong, ông quỳ sụp ngơời xuống, trổ miệng văn chơơng: - Ôi! Trơớc đây, đạo sơ của con, Alāra Kālāma, là bậc thầy mà con tin tơởng, giao phó sinh mạng. Thì nay, bạch Thế Tôn! Con đem "sự tin tơởng và việc giao phó sinh mạng ấy" về đạo sơ của con đem rải rắc trơớc luồng gió mạnh, đem thả trôi vào dòng nơớc cuồn cuộn ngàn trùng! Xin cho con đơợc quy y Thế Tôn, quy y pháp và quy y tỳ-khơu tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, trọn đời quy ngơỡng. Nói thế xong, Pukkusa quát bảo viên quản lý thuộc hạ: - Hãy tức khắc vào thùng xe của ta, lấy ngay một cặp áo màu kim sắc, vàng chói để ta dâng cúng đến đức đại Đạo sơ của ta! Sau đó, nâng cặp y quý giá lên ngang đầu, Pukkusa tác bạch: - Mong đức Thế Tôn bi mẫn thọ dụng cặp áo này, là vật quý trọng nhất hiện thời của con. Vật quý trọng đơợc dâng cho ngơời quý trọng là hạnh phúc nhất đời của con vậy. Đức Phật im lặng nhận lời, rồi bảo: - Này Pukkusa! Hãy đắp cho Nhơ Lai một tấm và đắp cho vị thị giả đặc biệt này một tấm. Pukkusa làm theo lời của Thế Tôn. Sau đó, Pukkusa đơợc đức Phật giáo giới ít lời làm cho tăng trơởng đức tin, ông hoan hỷ, và thấy cũng đã phải thời nên xin từ giã. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 421

Sau khi Pukkusa đi rồi, tôn giả Ānanda ngắm nhìn đức Phật mãi, lát sau ông thốt lên: - Thật là lạ lùng quá sức. Chiếc y kim sắc, vàng chói nhơ mặt trời hừng đông của Pukkusa lại chợt nhơ lu mờ trơớc nơớc da của Thế Tôn, có hy hữu không chứ! Đức Phật gật đầu: - Thật vậy, này Ānanda! Có hai trơờng hợp màu da của Nhơ Lai hết sức thanh tịnh và hết sức sáng chói. Ấy là trong lần Nhơ Lai chứng vô thơợng Chánh Đẳng Giác và trong lần Nhơ Lai sắp diệt độ Niết-bàn... Và khắc ấy cũng cận kề, nội trong đêm nay đó thôi! Nghe vậy, tôn giả Ānanda rơm rớm nơớc mắt. Đức Phật lại bảo: - Thôi, hãy đi! Hãy lên đơờng! Trời đã chiều rồi, chúng ta còn lội qua vài con sông nhỏ nữa. Lúc dừng chân nơi con sông Kakutthā nơớc trong vắt, đức Phật xuống tắm, xong, ngài từ

từ, chậm rãi lội bộ sang bờ bên kia. Đại chúng có ngợời tắm rửa, uống nợớc, có ngợời không. Đức Phật trao lại y tắm cho tôn giả Ānanda giặt phơi, mặc lại tấm y khô ráo, khoác thêm tấm kim sắc, ngài đi vào một khu rừng xoài. Tại đây, đức Phật bảo tôn giả Mahā Cunda trải tấm y tăng-già-lê làm bốn rồi ngài ngồi nghỉ.(1)

(1) Chỗ này, kinh Đại bát-niết-bàn ghi kệ nhợ sau: “Đức Phật tự đi đến.Con sông Kakutthā. Con sông chảy trong sáng. Mát lạnh và thanh tịnh. Vị Đạo Sợ mỏi mệt. Đi dần xuống mé sông. Nhợ Lai đấng Vô Thợợng. Ngự trị ở trên đời. Tắm xong, uống nợớc xong. Lội qua bên kia sông. Bậc Đạo Sợ đi trợớc. Giữa Tăng chúng Tỳ-khợu. Vừa đi vừa diễn giảng. Chánh pháp thật vi diệu. Rồi bậc Đại Sĩ đến. Tại khu vực rừng xoài. Cho gọi vị Tỳ-khợu. Tên họ Cundaka: “Hãy gấp tợ áo lại. Trải áo cho ta nằm. Nghe dạy, Cundaka. Lập tức vâng lời dạy. Gấp tợ và trải áo. Một cách thật mau lẹ. Bậc Đạo Sợ nằm xuống. Thân mình thật mệt mỏi. Tại đây Cundaka. Ngồi ngay phía trợớc mặt.

422 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Lúc tôn giả Ānanda làm công việc xong, vừa đến nơi, đức Phật ngồi dậy rồi bảo: - Hãy đi, chúng ta còn đi qua con sông Hiraññavatī nữa mới tới Upavattana, thành phố Kusinnārā, rừng sālā của dòng họ Mallā.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.